

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 20-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Khuôn.

Ông Nguyễn Nam Đùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Sấm Ất - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn B: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy ủy quyền công chứng ngày 20/12/2024 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch Chanh R, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Cây Ổi, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2024 (BL 01) và trong quá trình xét xử bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/10/2018, ông Lê Văn B có cho ông Thạch Chanh R vay số tiền 750.000.000 đồng để đáo hạn nợ Ngân hàng. Thời hạn vay từ ngày 16/10/2018 đến ngày 18/10/2018 trả, không có thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay tiền xong thì ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Do ông R đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên ông B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xem xét, giải quyết buộc ông R có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay còn thiếu là 750.000.000 đồng. Ngoài ra trong đơn khởi kiện ông B còn yêu cầu ông R trả lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 16/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 06 năm với số tiền là 900.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.650.000.000 đồng. Tuy nhiên nay ông B chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 18/10/2018 đến nay là 06 năm 08 tháng 02 ngày với số tiền lãi lấy chẵn là 500.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.250.000.000 đồng.

- Ông Thạch Chanh R là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn B, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông B, không bổ sung gì thêm. Nguồn tiền mà ông B cho ông R vay là của chung của bà với ông B.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai. Phần tranh luận bà Nguyễn Thị Đ không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B. Buộc ông Thạch Chanh R có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn B số tiền vay còn thiếu gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.250.000.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc ông Thạch Chanh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày hôm nay, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố

tụng; Đồng thời triệu tập hợp lệ ông Thạch Chanh R đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng ông R vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Chanh R theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông Lê Văn B khởi kiện yêu cầu ông Thạch Chanh R phải trả số tiền vay còn thiếu là 750.000.000 đồng và tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông B có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản gốc *“Biên nhận”* có nội dung là ông R có vay của ông B số tiền 750.000.000 đồng có chữ viết và ký tên của ông R (BL 48). Quá trình tố tụng thì Tòa án có ban hành thông báo cho ông R biết về việc cung cấp ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do ông B nộp (BL 28). Tuy nhiên, ông R không có ý kiến gì theo thông báo của Tòa án. Như vậy thấy rằng việc ông B có cho ông R vay số tiền 750.000.000 đồng là có căn cứ nên cần buộc ông R có nghĩa vụ trả nợ cho ông B.

Về lãi suất: Xét thấy việc ông Lê Văn B yêu cầu tính lãi từ ngày 18/10/2018 với mức lãi theo quy định pháp luật (10%/năm) là có căn cứ. Bởi lẽ, tại Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*. Tại Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất như sau: *“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

Như vậy tính từ ngày 18/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2025 là 06 năm 08 tháng 02 ngày. Như vậy số tiền lãi được tính bằng 500.215.000 đồng, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của ông B chỉ yêu cầu ông R trả 500.000.000 đồng nên buộc ông R có trách nhiệm trả cho ông B số tiền lãi là 500.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B là có căn cứ nên cần buộc ông Thạch Chanh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

Buộc ông Thạch Chanh R có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn B số tiền vay còn thiếu là 750.000.000 đồng và số tiền lãi là 500.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.250.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch Chanh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 49.500.000 đồng. Ông Lê Văn B không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 30.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008891 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chí Điền